

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN Q S  
TỈNH Q N**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 159/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 21-8-2023

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Q S, TỈNH Q N**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* ông Nguyễn Văn Thọ.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lê Quang Hòa;

2. Bà Mai Thị Thúy Hằng.

**- Thư ký phiên tòa:** ông Nguyễn Văn Liêm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Q S, tỉnh Q N.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q S, tỉnh Q N** tham gia phiên tòa: bà Hồ Minh Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2023, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Q S, tỉnh Q N xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình và đình thụ lý số: 106/2023/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2023 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 79/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* chị Trương Thị Tùng Th, sinh năm 1992. *Vắng mặt.*

- *Bị đơn:* anh Đoàn Văn Ch, sinh năm 1990. *Vắng mặt.*

Cùng địa chỉ: thôn Ph D, xã Q Th, huyện Q S, tỉnh Q N.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 25/4/2023, bản tự khai và đơn xin xét xử vắng mặt nguyên đơn - chị Th trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh Ch tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã Q Th, huyện Q S, tỉnh Q N cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 26/3/2012. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian, đến năm 2021 thì xảy ra mâu thuẫn, không có tiếng nói chung và đã sống ly thân hơn 02 năm nay. Nay chị thấy vợ chồng không còn tình cảm nên chị xin được ly hôn với anh Ch.

Về con chung: có 02 con chung tên Đoàn Thị Mỹ D, sinh ngày 06/11/2014 và Đoàn Trương Quỳnh Nh, sinh ngày 25/10/2019. Khi ly hôn chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nh, thống nhất giao cháu D cho anh Ch trực tiếp nuôi dưỡng, các bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

*Tại bản tự khai ngày 23/6/2023, trong quá trình giải quyết vụ án và đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn - anh Ch trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: anh và chị Th tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã Q Th, huyện Q S, tỉnh Q N cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 26/3/2012. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian, đến năm 2021 thì xảy ra mâu thuẫn, cãi vã và đã sống ly thân được 01 năm nay. Hiện tại vợ chồng không còn tình cảm nên chị Th xin ly hôn anh thống nhất thuận tình ly hôn.

Về con chung: có 02 con chung tên Đoàn Thị Mỹ D, sinh ngày 06/11/2014 và Đoàn Trương Quỳnh Nh, sinh ngày 25/10/2019. Khi ly hôn anh xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu D, thống nhất giao cháu Nh cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng, các bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

*Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q S phát biểu ý kiến:*

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: anh Ch có nơi cư trú tại thôn Ph D, xã Q Th, huyện Q S, tỉnh Q N. Chị Th khởi kiện xin ly hôn với anh Ch và xin được trực tiếp nuôi con nên quan hệ pháp luật được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Q S, tỉnh Q N theo khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: tại phiên tòa, các đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: chị Th và anh Ch tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã Q Th, huyện Q S, tỉnh Q N cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 16 ngày 26/3/2012 nên hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận.

Chị Th và anh Ch đều cho rằng sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian, đến năm 2021 thì xảy ra mâu thuẫn, anh chị đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau và hiện tại tình cảm vợ chồng không còn. Quá trình giải quyết vụ án chị Th cương quyết xin ly hôn, anh Ch thống nhất thuận tình ly hôn theo yêu cầu của chị Th. Điều đó cho thấy mâu thuẫn vợ chồng chị Th, anh Ch đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Th là phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2] Về con chung: chị Th và anh Ch có 02 con chung tên Đoàn Thị Mỹ D, sinh ngày 06/11/2014 và Đoàn Trương Quỳnh Nh, sinh ngày 25/10/2019. Chị Th, anh Ch đều thống nhất giao cháu D cho anh Ch trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Nh cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng. Cháu D có nguyện vọng ở với anh Ch nên cần tôn trọng sự lựa chọn của cháu. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu D cho anh Ch trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Nh cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con, các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Chị Th, anh Ch có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở phù hợp với quy định tại Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình. Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 84 và Điều 116 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: chị Th phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 và Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc

hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị Tùng Th về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

1. Về quan hệ hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Trương Thị Tùng Th và anh Đoàn Văn Ch.

2. Về con chung: giao cháu Đoàn Trương Quỳnh Nh, sinh ngày 25/10/2019 cho chị Trương Thị Tùng Th; giao cháu Đoàn Thị Mỹ D, sinh ngày 06/11/2014 cho anh Ch trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Các đương sự không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Chị Th, anh Ch có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng chị Th phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm mà chị Th đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012298 ngày 20/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q S, tỉnh Q N.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Q N
- VKSND huyện Q S;
- Chi cục THADS huyện Q S;
- UBND xã Q Th, huyện Q S  
(GCNKH số 16 ngày 26/3/2012)
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Thọ**